BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM SỐ 1  
  
Câu 1: What is the KEY difference between black-box and white box testing?  
Sự khác nhau giữa kiểm thử hộp đen và kiểm thử hộp trắng là gì?

A. Black box is functional; white box is structural (Hộp đen là chức năng; hộp trắng là cấu trúc)  
B. Black box is functional; white box is non-functional (Hộp đen là chức năng; hộp trắng là phi chức năng)  
C. Black box has a wider statement cover age than white box (Hộp đen có chiều rộng lớn hơn hộp trắng)  
D. Black box can only be performed after white box (Hộp đen chỉ có thể được thực hiện sau hộp trắng)

## Câu 2: Which test technique is based on requirements specifications? Kỹ thuật kiểm tra nào là căn cứ vào các đặc tả yêu cầu?

A. White box technique (Kỹ thuật hộp trắng)  
B. Component testing (Kiểm thử thành phần)  
C. Black box technique (Kỹ thuật hộp đen)  
D. Unit Testing (Kiểm thử đơn vị)

## Câu 3: The main focus of acceptance testing is: Tiêu điểm chính của kiểm thử chấp nhận là:

A. Finding faults in the system (Tìm lỗi trong hệ thống)  
B. Ensuring that the system acceptable to all users (Đảm bảo rằng hệ thống có thể chấp nhận được đối với tất cả người dùng)  
C. Testing the system with other systems (Kiểm thử hệ thống với các hệ thống khác)  
D. Testing for a business perspective (Kiểm thử một quan điểm công việc)

## Câu 4: The difference between re-testing and regression testing is: Sự khác biệt giữa kiểm thử lại và kiểm thử hồi quy là:

A. Re-testing is running a test again; regression testing looks for unexpected side effects (Kiểm thư lại đang chạy thử lại; Kiểm thử hồi quy sẽ tìm ra các kết quả phụ bất ngờ)  
B. Re-testing looks for unexpected side effects; regression testing is repeating those tests (Kiểm thử lại sẽ tìm ra các kết quả bất ngờ; kiểm thử hồi quy là lặp lại những bài kiểm tra)  
C. Re-testing is done after faults are fixed; regression testing is done earlier (Kiểm thử lại được thực hiện sau khi sửa lỗi; kiểm thử hồi quy được thực hiện sớm hơn)  
D. Re-testing is done by developers, regression testing is done by independent testers (Kiểm thử lại được thực hiện bởi các nhà phát triển; kiểm thử hồi quy được thực hiện bởi những người kiểm thử độc lập)

## Câu 5: \_\_\_\_includes both Black box and white box testing features \_\_\_\_Bao gồm cả hai tính năng kiểm thử hộp đen và kiểm thử hộp trắng

A. Gray box testing (Kiểm thử hộp xám)  
B. Hybrid testing (Kiểm thử lai)  
C. A&B (cả A và B)  
D. None (Không có lựa chọn)

Câu 6: Which test levels are USUALLY included in the common type of V-model?Mức độ kiểm tra nào thường dùng trong mô hình chữ V?  
A. Integration testing, system testing, acceptance testing and regression testing (Kiểm thử tích hợp, kiểm thử hệ thống, kiểm thử chấp nhận và kiểm thủ hồi quy)  
B. Component testing, integration testing, system testing and acceptance testing (Kiểm thử thành phần, kiểm thử tích hợp, kiểm thử hệ thống và kiểm thử chấp nhận)  
C. Incremental testing, exhaustive testing, exploratory testing and data driven testing (Kiểm tra gia tăng, kiểm tra toàn diện, kiểm tra thăm dò và kiểm tra dữ liệu)  
D. Alpha testing, beta testing, black box testing and white box testing (Kiểm thử Alpha, kiểm thử Beta, kiểm thử hộp đen và kiểm thử hộp trắng)

## Câu 7: What is testing without executing the code? Kiểm thử gì mà không thực hiện mã lệnh?

A. Non-functional testing (Kiểm thử phi chức năng)  
B. Structure based testing (white box) (Kiểm thử dựa vào cấu trúc – hộp trắng)  
C. Static testing (Kiểm thử tĩnh)  
D. Functional testing (black box) (Kiểm thử chức năng – hộp đen)

## Câu 8: Non-functional system testing includes: Kiểm tra hệ thống phi chức năng bao gồm:

A. Testing to see where the system does not function properly (Kiểm thử để xem nơi hệ thống không hoạt động đúng chức năng)  
B. Testing quality attributes of the system including performance and usability (Kiểm thử các thuộc tính của hệ thống bao gồm hiệu năng và khả năng sử dụng)  
C. Testing a system feature using only the software required for that function (Kiểm tra tính năng hệ thống chỉ sử dụng phần mềm cần thiết cho chức năng đó)  
D. Testing for functions that should not exist (Kiểm thử các chức năng có thể không tồn tại)

## Câu 9: Which of the following is part of system testing: Những điều sau đây là một phần của kiểm thử hệ thống:

A. Performance, load and stress testing (kiểm thử hiệu năng, kiểm thử tốc độ tải và kiểm thử khả năng chịu tải)  
B. Requirements based testing (Kiểm thử dựa vào yêu cầu)  
C. Usability testing (Kiểm thử khả năng sử dụng)  
D. All of the above are true (Tất cả những điều trên là đúng)

Đáp án của một số câu:  
1. A  
2. C  
3. D

Anh làm đúng chính xác 3 câu đầu tiên rồi. Em bổ sung thêm: 4a, 5a, 6b, 7d, 8b, 9d.

## Các từ thường gặp

attributes - thuộc tính

diagram - lược đồ, giản đồ

heuristic - phỏng đoán, suy nghiệm, khám phá

specification - tài liệu đặc tả

test case - trường hợp kiểm thử

test plan - kế hoạch kiểm thử

requirement - yêu cầu

user story - mô tả của khách hàng.

BT1: Trong kỳ kiểm tra, thí sinh phải đạt tối thiểu 24 điểm để chấm điểm bài kiểm tra. Điểm tối đa mà cậu ấy có thể ghi được là 40 điểm. Xác định các giá trị tương đương hợp lệ nếu học sinh vượt qua bài thi.  
A) 22,23,26  
B) 21,39,40  
C) 29,30,31  
D) 0,15,22  
BT2: Công tắc được tắt sau khi nhiệt độ giảm xuống dưới 18 và sau đó bật lên khi nhiệt độ trên 21. Khi nhiệt độ trên 21. Xác định các giá trị tương đương thuộc cùng một lớp.  
A) 12,16,22  
B) 24,27,17  
C) 22,23,24  
D) 14,15,19  
BT3: Một chương trình xác nhận một trường số như sau: giá trị dưới 10 bị từ chối, giá trị từ 10 đến 21 được chấp nhận, các giá trị lớn hơn hoặc bằng 22 bị từ chối. Giá trị đầu vào nào dưới đây bao phủ tất cả các phân vùng tương đương?  
A. 10,11,21  
B. 3,20,21  
C. 3,10,22  
D. 10,21,22  
BT4: Một chương trình xác nhận một trường số như sau: giá trị dưới 10 bị từ chối, giá trị từ 10 đến 21 được chấp nhận, các giá trị lớn hơn hoặc bằng 22 bị từ chối. Câu nào dưới đây bao phủ các giá trị biên?  
A. 9,10,11,22  
B. 9,10,21,22  
C. 10,11,21,22  
D. 10,11,20,21  
BT5: Trong một hệ thống được thiết kế để tính ra số thuế phải trả:  
Một nhân viên có 4000 bảng Anh tiền lương miễn thuế.  
Khoản 1500 bảng Anh tiếp theo bị đánh thuế 10%.  
28000 bảng Anh sau đó bị đánh thuế 22%.  
Bất kỳ số tiền nào khác được đánh thuế ở mức 40%.  
------------  
Đối với toàn bộ đồng bảng Anh gần nhất, trong số các nhóm số này những số nào thuộc ba lớp tương đương khác nhau?  
A) 4000 bảng Anh; 5000 bảng Anh; 5500 bảng Anh  
B) 32001 bảng Anh; 34000 bảng Anh; 36.500 bảng Anh  
C) 28000 bảng Anh; 28001 bảng Anh; 32001 bảng Anh  
D) 4000 bảng Anh; 4200 bảng Anh; 5600 bảng Anh  
BT6: Với các đặc tả sau đây: các giá trị sau đây đối với độ tuổi nằm trong phân vùng tương đương là như nhau?  
Nếu bạn dưới 18 tuổi, bạn còn quá nhỏ để có thể được bảo hiểm.  
Trong khoảng 18 đến 30 tuổi, bạn sẽ được giảm 20%.  
Bất kỳ ai trên 30 tuổi không đủ điều kiện được giảm.  
A) 17, 18, 19  
B) 29, 30, 31  
C) 18, 29, 30  
D) 17, 29, 31  
BT7: Một trường đầu vào phải chọn khoảng giữa năm sinh từ 1900 đến 2004. Các giá trị biên để kiểm thử trường này là  
A. 0, 1900, 2004, 2005  
B. 1900, 2004  
C. 1899, 1900, 2004, 2005  
D. 1899, 1900, 1901, 2003, 2004, 2005  
BT8: Một trong các trường trên một form có chứa một hộp văn bản chấp nhận các giá trị số trong khoảng từ 18 đến 25. Xác định giá trị thuộc lớp tương đương không hợp lệ:  
A. 17  
B. 19  
C. 24  
D. 21  
BT9: Một trong các trường trên một Form có chứa một hộp văn bản chấp nhận các giá trị số alpha. Xác định lớp tương đương hợp lệ:  
A. BOOK  
B. Book  
C. Boo01k  
D. book  
BT10: Trong một hệ thống được thiết kế để tính ra số thuế phải trả:  
Một nhân viên có 4000 bảng Anh tiền lương miễn thuế.  
Khoản 1500 bảng Anh tiếp theo bị đánh thuế 10%.  
28000 bảng Anh sau đó bị đánh thuế 22%.  
Bất kỳ số tiền nào khác được đánh thuế ở mức 40%.  
------------  
Đối với toàn bộ đồng bảng Anh gần nhất, trong số các giá trị sau đây giá trị nào thuộc lớp tương đương hợp lệ?  
A. £28000.  
B. £33501.  
C. £32001.  
D. £1500.  
  
BT11: Kết quả mong đợi cho từng trường hợp kiểm thử sau đây là gì?  
Điều kiện.........................Quy định 1.........Quy định 2..........Quy định 3.........Quy định 4  
Cư dân Ấn Độ...................F.......................T........................T.......................T  
Tuổi từ 18-55?..................Don't care..........F........................T........................T  
Kết hôn?..........................Don't care..........Don't care...........F........................T  
Hành động  
Cấp thành viên..................F......................F........................T........................T  
Giảm giá 10%...................F......................F.........................T........................F  
A. TC1: Anand là một người 32 tuổi đã lập gia đình, cư trú ở Kolkatta.  
B. TC2: Attapattu là một người 65 tuổi đã lập gia đình, cư trú tại Colombo.  
a. A - Phát hành thẻ thành viên, giảm giá 10%, B - Phát hành thẻ thành viên, không giảm giá B  
b. A - Không phát hành thẻ thành viên, B - Không cung cấp giảm giá C  
c. A - Phát hành thẻ thành viên, không giảm giá, B - Không phát hành thẻ thành viên.

Các đáp án: 1C, 2C, 3C, 4B, 5D, 6C, 7C, 8A, 9C, 10B, 11C. Đáp án chính xác!